

Bản án số: 271/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 24/7/2020

V/v “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Việt Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Minh;
2. Ông Huỳnh Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A mở xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 278/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 314/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1993, nơi cư trú: Tổ 27, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1989, nơi cư trú: Tổ 22, ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà H có mặt; ông M vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu kèm theo bà Nguyễn Thị H trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Lê Văn M là do tự tìm hiểu tới hôn nhân sống chung năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang năm 2014. Nguyên nhân xin ly hôn là do ông M

nghiện ma túy, đi cai nghiện nhiều lần, bà khuyên can nhưng ông M không thay đổi. Ông M bạo lực gia đình và nhiều lần đánh đập bà. Từ tháng 02/2020 thì bà và ông M ly thân nhau cho đến nay, trong thời gian ly thân thì gia đình hai bên cũng không đứng ra hàn gắn. Nay, bà xin ly hôn với ông M.

Về con chung: Có 02 con chung Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 23/4/2009 và Lê Hạo N, sinh ngày 27/11/2013. Hiện hai con chung do bà nuôi dạy, khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung và không yêu cầu ông M cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ các đương sự giao nộp đã được thẩm tra và công khai trong quá trình hòa giải, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu chứng cứ và tại phiên tòa không ai giao nộp bổ sung thêm tài liệu chứng cứ khác.

Trong quá trình thụ lý, hòa giải Tòa án đã tiến hành cấp tổng đạt cho ông Lê Văn M theo quy định nhưng ông M không có mặt theo các thông báo của Tòa án. Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú và tình trạng hôn nhân của bà H và ông M để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chứng cứ mà Tòa án thu thập được: Tòa án tiến hành xác minh nơi cư trú của ông Lê Văn M thì xác định ông M vẫn còn đăng ký hộ khẩu tại ấp T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang.

Tại biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 10/6/2020 được bà Dương Thị K cho biết: Bà là mẹ ruột của ông Lê Văn M, bà Nguyễn Thị H là vợ của ông M. Ông M đã không còn sống chung với H từ tháng 02/2020 đến nay. Nguyên nhân do ông M nghiện ma túy, thường xuyên đánh H, bà có khuyên ông M nhiều lần nhưng không được. Theo bà khả năng hàn gắn của bà H và ông M là không thể. H và M có 02 con chung và hai con chung đang sống với bà H.

Tại phiên tòa, bà H bảo lưu ý kiến. Riêng ông M đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong ghi lời khai, thủ tục xét xử vắng mặt, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa, thời hạn xét xử cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Văn M. Đồng thời, ông M cư trú trên địa bàn huyện A. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn M được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông M tự tìm hiểu yêu thương, không có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L ngày 22/01/2014 theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên thụ lý, giải quyết theo Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà H xin ly hôn với ông M, Hội đồng xét xử xét thấy thời gian ly thân giữa bà H và ông M đã lâu nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn. Mâu thuẫn giữa bà H, ông M phù hợp với lời trình bày của bà Dương Thị K là mẹ ruột của ông M, theo bà K thì khả năng hàn gắn của bà H và ông M là không thể. Xét thấy mâu thuẫn của bà H, ông M không thể hàn gắn nên Hội đồng xét xử chấp nhận ly hôn theo yêu cầu của bà H theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông M có 02 con chung Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 23/4/2009 và Lê Hạo N, sinh ngày 27/11/2013. Hiện hai con chung do bà H nuôi dạy. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục hai con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay, cháu P và cháu N đều do bà H nuôi dạy. Ngoài ra cháu P và cháu N đều có nguyện vọng tiếp tục sống với bà H. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống của con chung, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận để cho bà H tiếp tục nuôi dạy hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà H.

Hội đồng xét xử giải thích cho các đương sự biết: Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp

nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà H là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông M không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 244, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Nguyễn Thị H.

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Lê Văn M.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 03 ngày 22/01/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H được tiếp tục nuôi dạy hai con chung Nguyễn Thị Mai P, sinh ngày 23/4/2009 và Lê Hạo N sinh ngày 27/11/2013. Công nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0001034 ngày 05/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (bà H đã nộp đủ). Ông M không phải chịu án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/7/2020), các đương sự được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lê Văn M được tính kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT
- VKSH
- THAH
- Các đương sự.
- UBND xã;
- Lưu vp
- Lưu hs

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Việt Quốc